

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-PTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên làm việc tại cơ sở. Lưu lượng phát sinh $52\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, lượng nước thải này được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực bếp ăn, lưu lượng phát sinh $16,28\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, lượng nước thải này được thu gom vào bể gom, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi. Lưu lượng phát sinh $1,6\text{m}^3/\text{ngày. đêm}$, lượng nước thải này được bơm về hố gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép so với QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) được xả ra môi trường tiếp nhận là hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên.

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên.

2.2. Vị trí xả nước thải :

- 01 vị trí xả thải vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, phía trước vỉa hè, tại số 1982, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: **X: 0576916.645; Y: 1145738.359** (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* $70\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $2,917\text{m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Tự chảy bằng ống nhựa PVC đường kính 90mm, dài khoảng 123m đặt âm đến hố ga, sau đó dẫn đến vị trí xả thải bằng ống nhựa PVC đường kính 90mm, dài khoảng 149 m đến hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Liên tục 24 giờ, chu kỳ xả nước thải: hằng ngày.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K=1,2).*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
1	pH	-	5- 9	Chủ cơ sở đề xuất 01 lần/năm	Không
2	TSS	mg/l	100		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
8	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	20		
9	Tổng Coliforms	MPN/10 0ml	5.000		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		

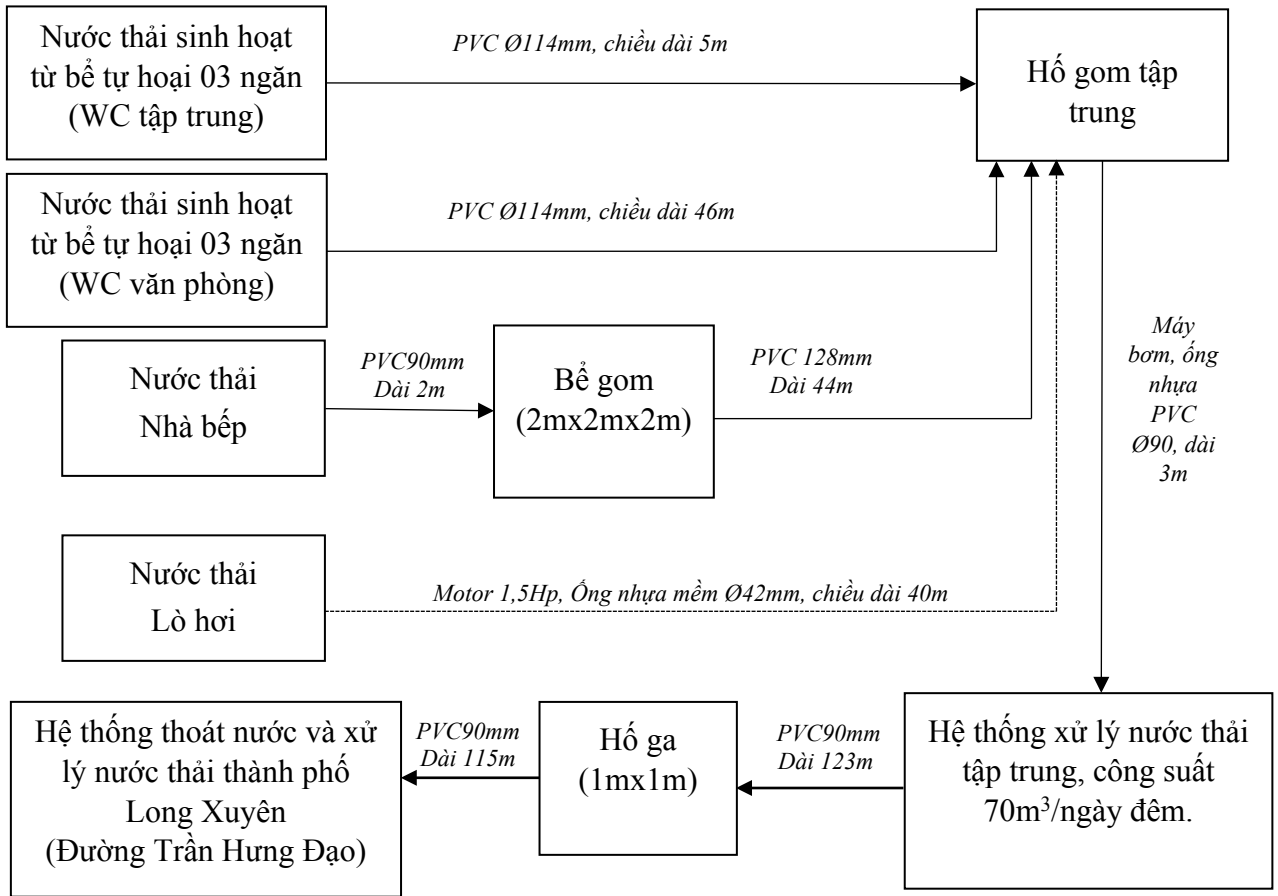
* Trường hợp các tiêu chuẩn quốc gia viện dẫn trong các Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo tiêu chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải sinh hoạt:



+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại (có bố trí 02 bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh chung của công nhân và khu vực văn phòng), được bố trí 02 tuyến ống PVC đường kính 114mm thu gom (tuyến ống thu gom nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh công nhân về hố gom tập trung có chiều dài 5m, tuyến ống thu gom nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh khu vực văn phòng về hố gom tập trung có chiều dài 46m), sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng tuyến ống PVC đường kính 90mm, dài khoảng 03m.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực bếp ăn được thu gom vào bể gom bằng tuyến ống PVC đường kính 90mm, dài 02m và dẫn vào hố gom tập trung bằng tuyến ống PVC đường kính 128mm, dài 44m, sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng tuyến ống PVC đường kính 90mm, dài khoảng 03m.

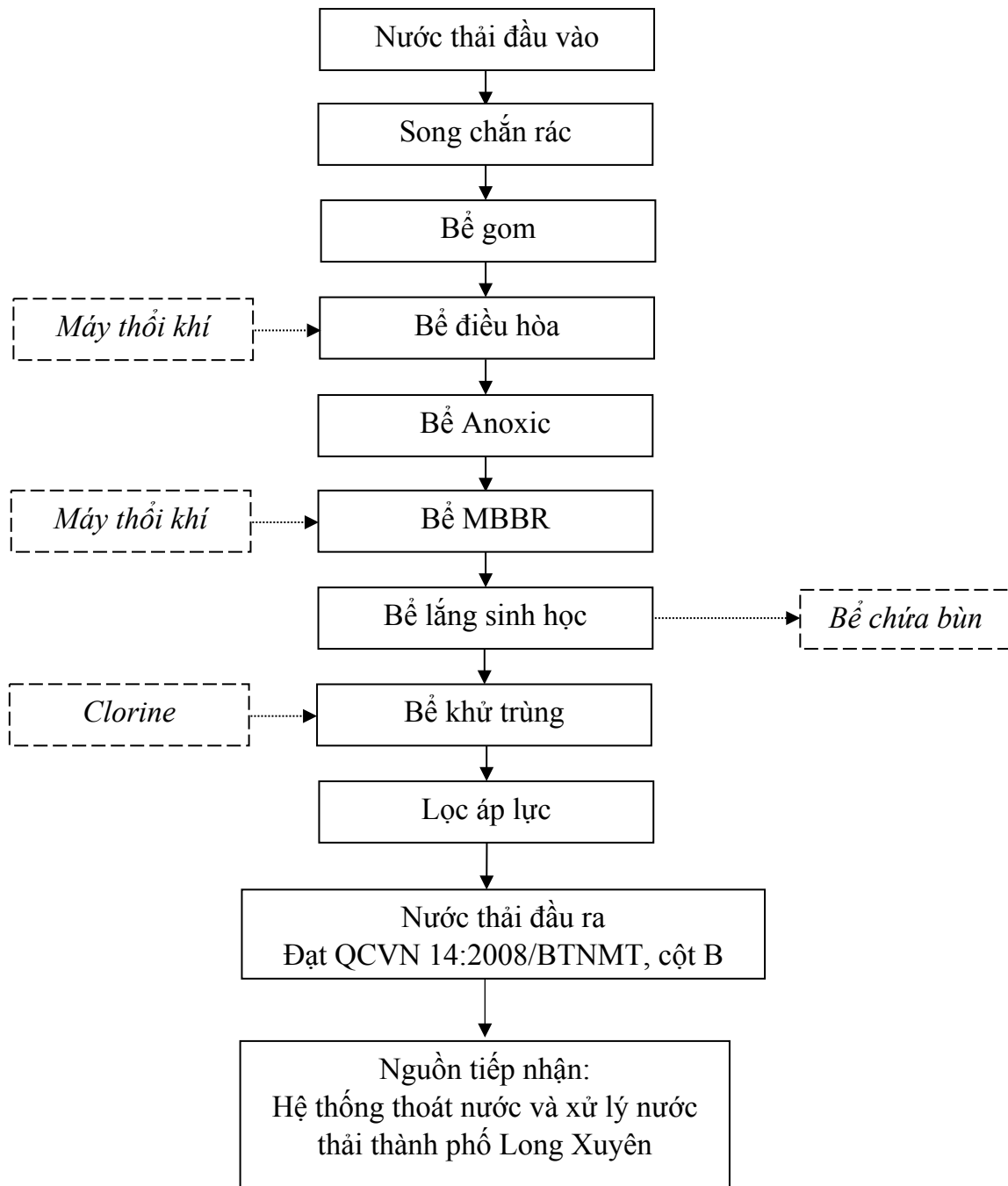
+ Nguồn số 03: Nước thải từ lò hơi được bơm về hố gom tập trung bằng máy bơm có công suất 1,5HP, ống nhựa mềm với đường kính 42mm, dài 40m, sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở bằng tuyến ống PVC đường kính 90mm, dài khoảng 03m.

Nước thải sau xử lý theo tuyến ống PVC đường kính 90mm, chiều dài khoảng 123m đặt âm đến hố ga, sau đó dẫn đến vị trí xả thải bằng ống nhựa PVC đường kính 90mm, dài khoảng 115m vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên (vĩ hệ đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải:



- Công suất thiết kế: 70m³/ngày. đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hoá chất: Clorin B với liều lượng trung bình khoảng 21 kg/tháng (10g/m³ x 70m³ nước thải x 30 ngày).

+ Vật liệu sử dụng: Cát, sỏi, than hoạt tính, ... sử dụng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Lắp đặt biển cảnh báo và bản thuyết minh quy trình công nghệ xử lý tại khu vực hệ thống.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố.

- Ngừng xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, khẩn trương thực hiện rà soát, kiểm tra phát hiện sự cố để kịp thời xử lý đảm bảo không để nước thải gây ô nhiễm môi trường. Nhanh chóng khắc phục để hệ thống sớm vận hành trở lại, đảm bảo không để xảy ra tình trạng nước thải phát sinh vượt quá khả năng chịu tải của hệ thống xử lý nước thải

- Báo ngay nhà cung cấp và cơ quan thẩm quyền về sự cố và tổ chức khắc phục trong vòng 24 giờ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Hoàn thành bố trí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3. Trong quá trình hoạt động, nếu có các vấn đề phát sinh liên quan đến xử lý chất thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải hoặc có sự cố bất thường, chủ cơ sở báo cáo kịp thời về UBND phường Mỹ Quý, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và tổ chức khắc phục theo quy định./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-PTNMT ngày 19 tháng 9 năm
2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ hoạt động của lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng thải sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) thoát ra môi trường theo đường ống khói cao 10m với đường kính 0,5m. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 0576851; Y: 1145555 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiều 3°) nằm trong khuôn viên dự án tọa lạc tại số 1982, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng khí thải tối đa 10.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải:

Xả gián đoạn khoảng 10 giờ/ngày (khi sử dụng hơi để ủ đồ).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, với hệ số Kp = 1 và Kv = 1,2), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	≤ 20.000	Chủ cơ sở đề xuất 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	120		
3	CO	mg/Nm ³	600		
4	NO _x	mg/Nm ³	510		
5	SO ₂	mg/Nm ³	300		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh tại buồng đốt được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải lò hơi bằng đường ống thu đường kính 500mm và quạt hút công suất 4Hp.

Thông số kỹ thuật cơ bản:

- Ống thu gom: Ống thép đường kính 500mm, chiều dài 2,5m, quạt hút 4Hp.

- Ống dẫn khí thải vào công trình xử lý: Ống thép đường kính 500mm, chiều dài 4,5m.

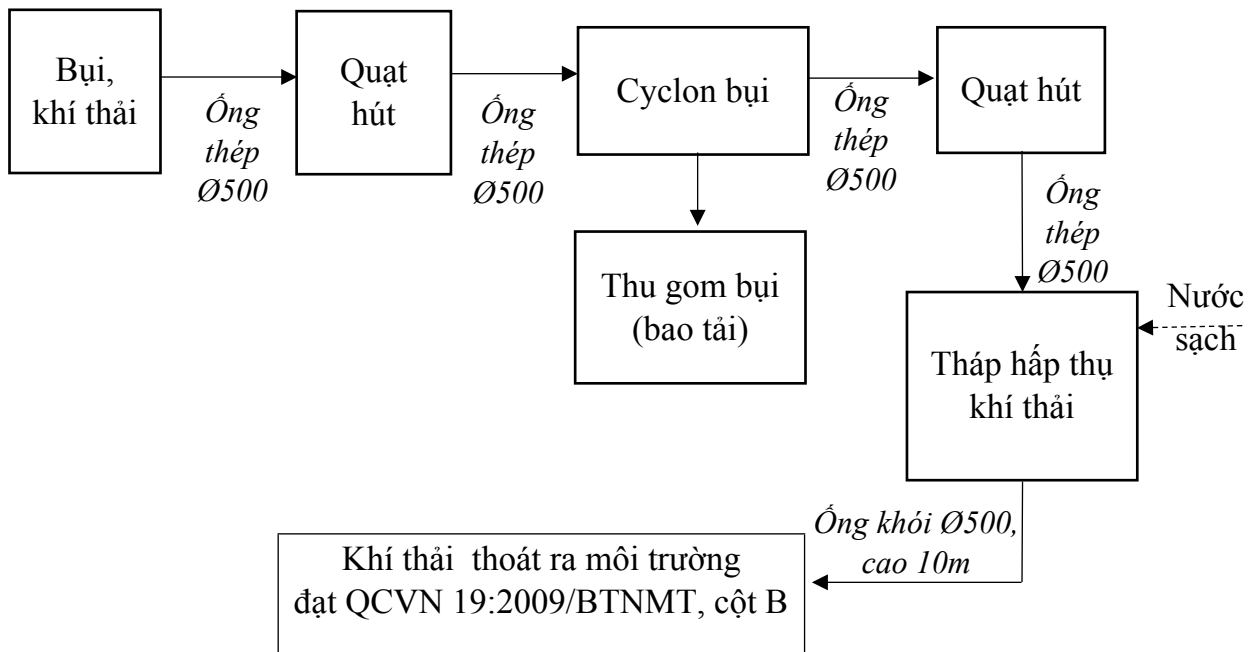
- Bụi, khí thải lò hơi sau xử lý được thải ra môi trường xung quanh tại khu vực cơ sở; công trình có kết cấu, thông số kỹ thuật cơ bản như sau:

+ Ống khói thải: Ống thép đường kính 500mm, chiều cao 10m.

+ Kim chống sét: Lắp đặt trên miệng ống khói thải.

+ Giá đỡ, dây chằng: Thép.

1.2. Công trình, thiết bị thu gom khí thải



- Nhiên liệu sử dụng: củi khô.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khu vực đặt lò hơi tách biệt với khối nhà chức năng (diện tích: 150m²), có tường chắn, cách âm bao quanh và được đặt trên bệ đúc có lắp đặt thêm các đệm giảm rung, chấn động.

+ Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc. Khi có sự cố, dừng hoạt động và kiểm tra toàn bộ hệ thống.

+ Khí thải từ lò hơi phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, đảm bảo tránh gây tác động đến con người và môi trường xung quanh khu vực.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả khí thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có giải pháp giảm thiểu khí thải, mùi hôi phát sinh tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và khu vực hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải, mùi hôi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-PTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các thiết bị, máy móc tại khu vực lò hơi.
- Nguồn số 02: Các thiết bị, máy móc tại khu vực xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 0576854, Y = 1145553 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45' múi chiều 3°).
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 0576833, Y = 1145550 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45' múi chiều 3°).

3. Yêu cầu: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đúng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không đề xuất	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không đề xuất	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giảm thiểu tiếng ồn từ các khu vực máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển:

+ Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

+ Phải tắt máy các phương tiện vận chuyển khi vào khuôn viên dự án.

- + Không sử dụng các phương tiện vận chuyển vào khuôn viên dự án.
- + Không sử dụng các phương tiện vận chuyển vào giờ nghỉ trưa và ban đêm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị (bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế) các máy móc, thiết bị để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-PTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Trang thiết bị lưu chứa CTNH
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	≤ 40 kg/năm	Thùng nhựa 100 lít (màu xanh, có nắp)
2	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	x			18 01 03	≤ 50 kg/năm	
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	≤ 40 kg/năm	
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	≤ 40 kg/năm	
5	Các loại dầu mỡ thải	x			08 02 01	≤ 40 kg/năm	
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn)	x	x		13 01 01	≤ 20 kg/năm	Thùng nhựa 100 lít (màu xanh, có nắp)
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 03	≤ 60 kg/năm	
8	Bình chứa áp suất thải chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	x		x	19 05 01	≤ 120 kg/năm	
9	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải				12 06 13	≤ 3.120 kg/năm	Bể chứa bùn

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 8.450 kg/tháng (26 ngày) và khoảng 101.400 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sản xuất (vải vụn, bao bì nhựa (bọc nilon), móc nhựa, thùng giấy, bao bì giấy,...) phát sinh khoảng: 5.200 kg/tháng và khoảng 62.400 kg/năm.

1.4. Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng: 260 kg/tháng và khoảng 3.120 kg/năm.

1.5. Khối lượng chất thải từ lò hơi (tro thải, bụi từ cyclon thu bụi) phát sinh khoảng: 200 kg/tháng và khoảng 2.400 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại: Bố trí 02 thùng nhựa có dung tích 100 lít màu xanh, có nắp lưu chứa (01 thùng lưu chứa chất thải rắn, 01 thùng lưu chứa chất thải lỏng).

- Chất thải lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn): Bố trí 01 thùng nhựa loại 10 lít tại phòng y tế để thu gom.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: có.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà khoảng: 4m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: khu chứa có kết cấu nền bê tông, vách tole, mái tole, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Đồng thời trang bị vật liệu hấp phụ, bình chữa cháy ứng phó sự cố.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sản xuất (chất thải rắn công nghiệp): Bố trí các thùng chứa tại các khu vực, số lượng 10 thùng nhựa có dung tích từ 20 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa, tập kết:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà khoảng: 12m².

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa tại các khu vực, số lượng 13 thùng nhựa có dung tích từ 20 lít - 240 lít.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:

- Bố trí phía trước cơ sở, cuối ngày chuyển giao đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

2.4.1. *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí bể chứa bùn công suất thiết kế 12m³. Tần suất thu gom về bể chứa bùn 01 ngày/lần (bằng máy bơm bùn).

2.4.2. *Khu vực lưu chứa, tập kết*:

- Bố trí bể chứa bùn diện tích 4m², kết cấu bê tông cốt thép.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định (*Hợp đồng khi có lượng bùn phát sinh*). Tần suất thu gom: 3 năm/lần (*theo đề xuất của chủ cơ sở*).

2.5. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải từ lò hơi

2.5.1. *Thiết bị lưu chứa*: Tro và bụi thải được thu gom vào bao chứa dung tích khoảng 20kg/bao.

2.5.2. *Khu vực lưu chứa, tập kết*: Lưu chứa tại khu vực lò hơi. Tro và bụi thải được thu gom bán hoặc cho các hộ dân có nhu cầu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

**** Sự cố về cháy nổ:***

- Trang bị bình chữa cháy để phòng ngừa cháy nổ. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thích hợp, dễ tiếp cận như cửa ra vào, hành lang,...

- Lắp đặt tiêu lệnh về PCCC.

- Bố trí cán bộ giám sát, kiểm tra thường xuyên tình hình vệ sinh và an toàn lao động trong cơ sở.

**** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:***

- Thường xuyên kiểm tra đề phòng ngừa tuyến ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải bị hư hỏng.

- Định kỳ duy tu, bảo trì các tuyến ống, hồ thu gom bảo đảm dòng chảy theo thiết kế ./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 43/GPMT-PTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2024 của phòng Tài nguyên và Môi trường)

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, sự cố sạt lở, theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu gi chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.